

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ LỘC**

Số: 146/TB-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Mỹ Lộc, ngày 15 tháng 01 năm 2020

THÔNG BÁO

**Công khai tình hình ước thực hiện dự toán
ngân sách địa phương năm 2019**

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước với các cấp ngân sách;

Công văn số 3949/BTC-NSNN ngày 05/4/2018 của Bộ Tài chính về việc thực hiện công khai ngân sách theo quy định của Luật NSNN năm 2015;

Xét đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch về thông báo công khai tình hình ước thực hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2019.

(Kèm theo biểu số liệu và báo cáo thuyết minh).

Hình thức công khai: Đăng trên cổng thông tin điện tử của huyện. Giao Văn phòng HĐND-UBND huyện phối hợp với phòng Tài chính - Kế hoạch đăng tải trên cổng thông tin điện tử của huyện.

UBND huyện thông báo để các phòng, ban, ngành, Đảng, đoàn thể và các tổ chức, cá nhân liên quan được biết. /.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Nam Định;
- Thanh tra tỉnh Nam Định;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- TT huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, của huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Cổng thông tin điện tử của huyện;
- Lưu VT;

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Văn Long





**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ LỘC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BÁO CÁO

Thuyết minh tình hình ước thực hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2019
(Kèm theo Thông báo số 146/TB-UBND ngày 15/01/2020 của UBND huyện Mỹ Lộc)

1. Về thu ngân sách nhà nước (Biểu số 94/CK-NSNN):

- Dự toán HĐND huyện giao :168.010 triệu đồng.
- Ước thực hiện năm 2019 :136.718 triệu đồng đạt 81,37% dự toán

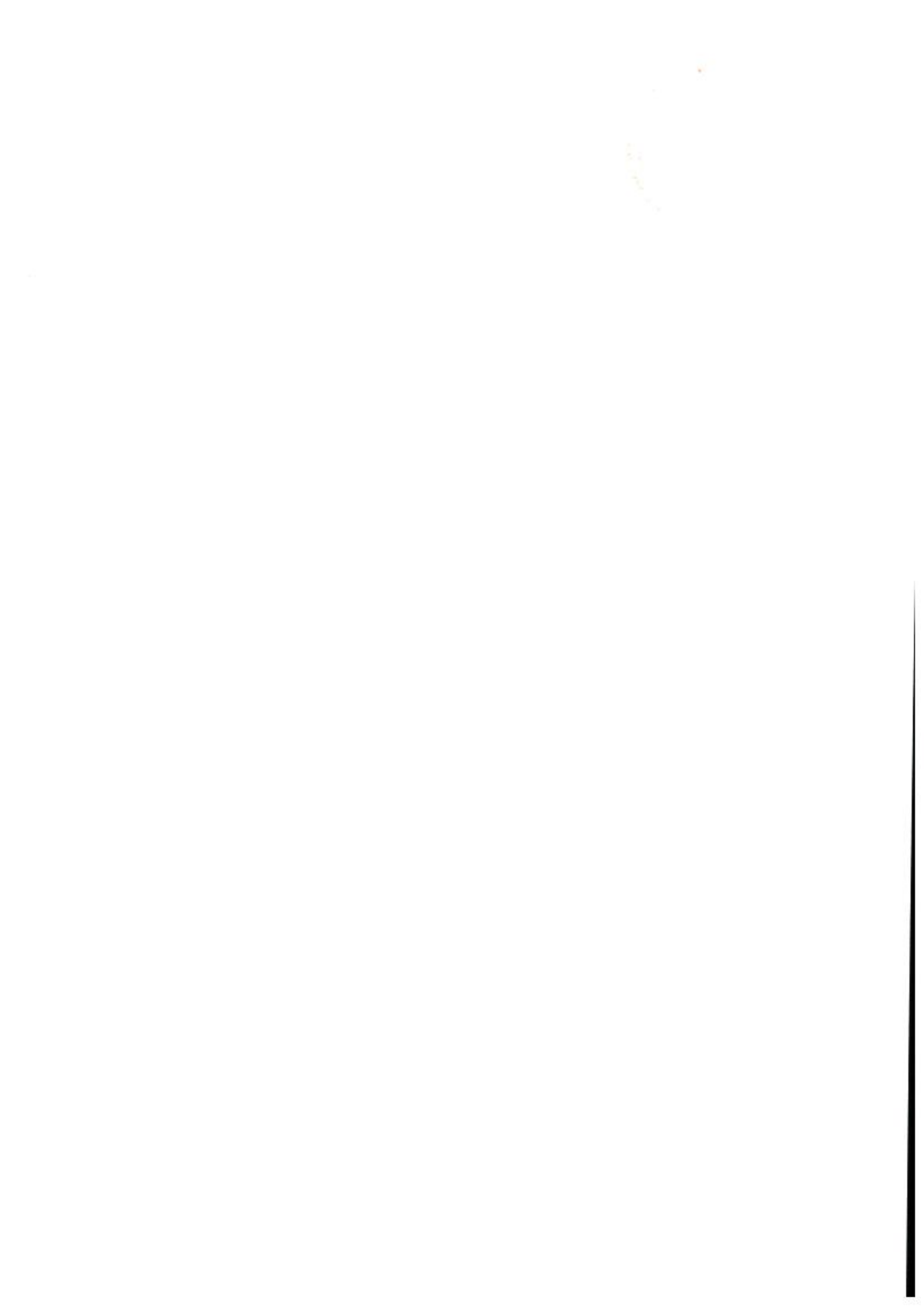
huyện giao, giảm 12,14% so với cùng kỳ năm 2018; Trong đó:

Thu nội địa: 136.718 triệu đồng đạt 81,37% dự toán huyện giao, giảm 12,14% so với cùng kỳ năm 2018. Nếu loại trừ thu tiền sử dụng đất thì thu nội địa là 53.873 triệu đồng đạt 125,26% so dự toán tỉnh, huyện giao, tăng 6,4% so với cùng kỳ năm 2018. Thu tiền sử dụng đất 82.845 triệu đồng đạt 66,28% dự toán giảm 21,1% so với cùng kỳ năm 2018.

Thu ngân sách trên địa bàn tăng so với cùng kỳ năm 2018. Một số khoản thu đạt cao so dự toán như: Thu từ xí nghiệp quốc doanh địa phương 164% dự toán, Thu thuế thu nhập cá nhân 135% dự toán, Thuế bảo vệ môi trường 119% dự toán, Lệ phí trước bạ 121% dự toán, Thu phí, lệ phí 112% dự toán, Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp 145% dự toán, Thu tiền thuê đất 375% dự toán.....Bên cạnh đó một số khoản thu đạt thấp so với dự toán Hội đồng nhân dân huyện giao như: Thu tiền sử dụng đất 66% dự toán khoản thu này chủ yếu thu từ tiền đất khu đô thị thị trấn Mỹ Lộc, khu dân cư tập trung xã Mỹ Thịnh và thu tiền đấu giá đất năm 2018 chuyển sang. Số thu tiền sử dụng đất theo kế hoạch năm 2019 đến 06/01/2020 mới có quyết định phê duyệt kết quả thặng giá nên chưa phát sinh số thu, Thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh đạt 61% dự toán, Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác đạt 49% dự toán; Nguyên nhân chủ yếu là do việc kinh doanh của một số doanh nghiệp bị giảm sút, giảm doanh thu dẫn đến giảm số nộp vào thu ngân sách; thu quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác trong đó giao thu tiền đền bù đất của một số xã nhưng dự án chưa được triển khai, bên cạnh đó diện tích đất nông nghiệp bỏ hoang còn lớn do người dân gần khu vực thành phố nên vào làm tại khu công nghiệp có mức thu nhập cao hơn.

2. Về chi ngân sách nhà nước (Biểu số 95/CK-NSNN):

Dự toán HĐND tỉnh giao: 211.118 triệu đồng.

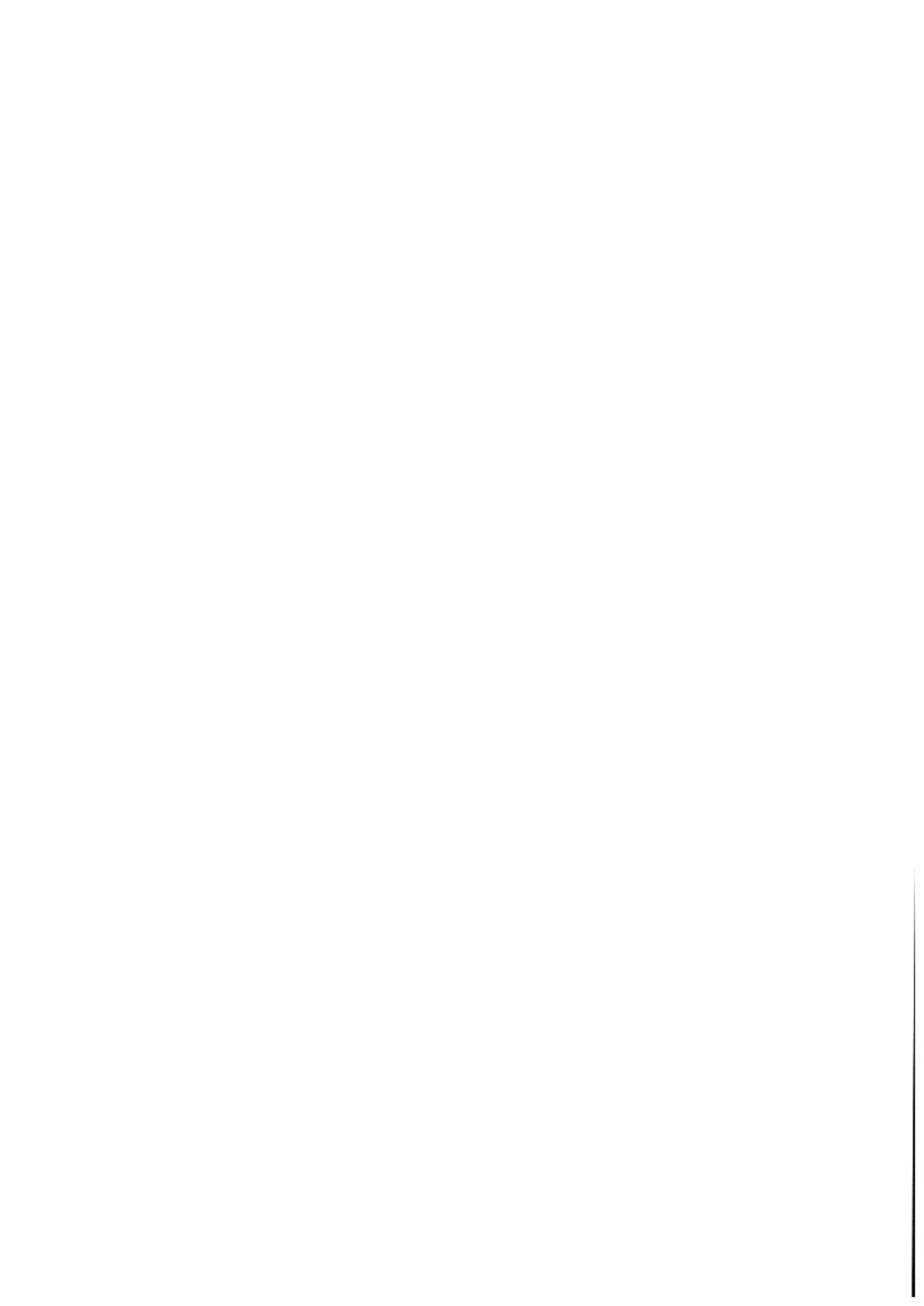


Ước thực hiện chi ngân sách địa phương năm 2019 là 250.595 triệu đồng, đạt 118,7% dự toán HĐND huyện giao; Trong đó:

- a. Chi đầu tư phát triển : 32.723 triệu đồng, đạt 160,13% dự toán.
- b. Chi thường xuyên : 217.872 triệu đồng, đạt 117,09 % dự toán.

Chi ngân sách địa phương năm 2019 đảm bảo nguồn kinh phí đáp ứng chi thường xuyên các cấp, các ngành theo dự toán Hội đồng nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân huyện giao và những nhiệm vụ đột xuất phát sinh theo quyết định của UBND huyện, các khoản chi lương, chi cho các đối tượng chính sách, chi an sinh xã hội và các nhiệm vụ an ninh, quốc phòng của địa phương...

Đặc biệt trong năm 2019 phát sinh bệnh dịch tả lợn Châu Phi lây lan nhanh trên diện rộng 100% các xã, thị trấn mắc dịch gây thiệt hại lớn về kinh tế, gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất chăn nuôi trên địa bàn huyện. Để khắc phục thiệt hại cho các hộ chăn nuôi và có kinh phí khôi phục sản xuất, ngay sau khi có kinh phí của UBND tỉnh hỗ trợ, UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn của huyện thực hiện cấp về UBND các xã, thị trấn để kịp thời chi trả các hộ dân.





UBND HUYỆN MỸ LỘC

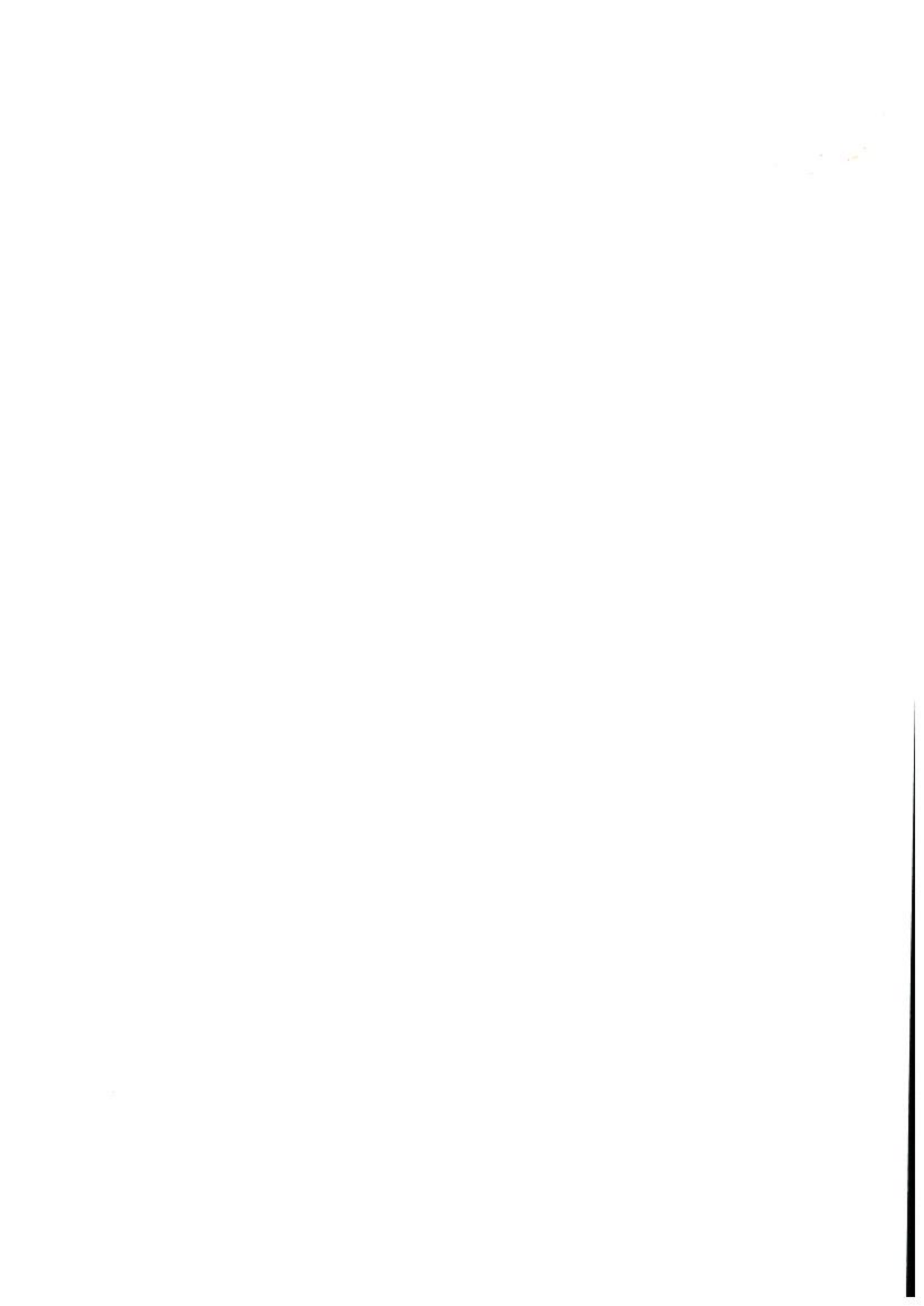
Biểu số: 93/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2019

(Kèm theo Thông báo số 146 /TB-UBND ngày 15 /01/2020 của UBND huyện Mỹ Lộc)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Thực hiện năm 2018	Ước thực hiện năm 2019	So sánh thực hiện với (%)	
					Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	168.010	155.613	136.718	81,37	87,86
I	Thu cân đối NSNN	168.010	155.613	136.718	81,37	87,86
	Thu nội địa	168.010	155.613	136.718	81,37	87,86
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		13.115	17.526		133,63
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	211.118	247.881	250.595	118,70	101,10
I	Tổng chi cân đối ngân sách địa phương	211.118	247.881	250.595	118,70	101,10
1	Chi đầu tư phát triển	20.435	48.023	32.723	160,13	68,14
2	Chi thường xuyên	186.073	199.857	217.872	117,09	109,01
3	Dự phòng ngân sách	4.610	0			





THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2019

(Kèm theo Thông báo số 146 /TB-UBND ngày 15/01/2020 của UBND huyện Mỹ Lộc)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Thực hiện năm 2018	Ước thực hiện năm 2019	So sánh thực hiện với (%)	
					Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	3	3	4=3/1	5=3/2
A	Thu ngân sách NN trên địa bàn	168.010	155.613	136.718	81,37	87,86
I	Thu nội địa	168.010	155.613	136.718	81,37	87,86
1	Thu từ xí nghiệp QĐ Địa phương	60	85	99	164,47	115,43
2	Thu từ đơn vị có vốn đầu tư nước ngoài		6.561	4.889		74,52
3	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	14.000	12.678	8.495	60,68	67,01
4	Thuế thu nhập cá nhân	3.500	6.288	4.712	134,63	74,94
5	Thuế bảo vệ môi trường	1.800	1.281	2.144	119,12	167,38
6	Lệ phí trước bạ	10.300	10.308	12.498	121,34	121,24
7	Thu phí và lệ phí	1.300	1.382	1.450	111,57	104,96
8	Các khoản thu về nhà đất	128.450	107.969	93.942	73,13	87,01
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	800	902	1.162	145,23	128,82
	- Thu tiền sử dụng đất	125.000	105.007	82.845	66,28	78,89
	- Thu tiền thuê đất	2.650	2.060	9.935	374,91	482,28
9	Thu khác ngân sách	5.000	6.798	6.724	134,48	98,91
10	Thu các khoản thu tại xã	3.600	2.264	1.765	49,02	77,96
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	168.010	155.613	136.718	81,37	87,86
1	Từ các khoản thu phân chia	155.623	153.019	23.722	15,24	15,50
2	Từ các khoản thu NSDP được hưởng 100%	12.387	2.594	112.996		4.356,05





THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2019

(Kèm theo Thông báo số /46 /TB-UBND ngày /15 /01/2020 của UBND huyện Mỹ Lộc)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Thực hiện năm 2018	Ước thực hiện năm 2019	So sánh thực hiện với (%)	
					Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	3	3	4=3/1	5=3/2
	TỔNG CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	211.118	247.881	250.595	118,70	101,10
I	Chi đầu tư phát triển	20.435	48.023	32.723	160,13	68,14
II	Chi thường xuyên	186.073	199.857	217.872	117,09	109,01
	<i>Trong đó:</i>					
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	102.497	98.615	102.837	100,33	104,28
2	Chi khoa học và công nghệ	164	204	164	100,00	
3	Chi y tế, dân số và gia đình	588	650	952	161,88	146,53
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	1.726	1.486	1.836	106,35	1,24
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền thanh	1.133	1.746	1.164	102,71	0,67
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	158	327	357	225,95	1,09
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	1.385	1.409	1.563	112,87	1,11
8	Chi sự nghiệp kinh tế	3.829	5.818	23.467	612,88	4,03
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	51.423	56.510	58.879	114,50	1,04
10	Chi bảo đảm xã hội	18.495	26.192	18.077	97,74	0,69
III	Dự phòng ngân sách	4.610				

10/10/10